

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT VINH LỘC

Số: 09/TB-THPTVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

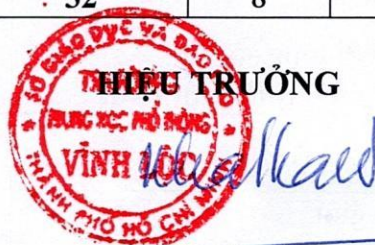
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THPT Vinh Lộc
Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1.347	521	436	390
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1.204 89.38%	453 86.95%	381 87.39%	370 94.87%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	118 8.76%	59 11.32%	43 9.86%	16 4.10%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	25 1.86%	9 1.73%	12 2.75%	4 1.03%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1.347	521	436	390
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	398 29.55%	126 24.18%	140 32.11%	132 33.85%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	788 58.50%	297 57.01%	254 58.26%	237 60.77%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	160 11.88%	97 18.62%	42 9.63%	21 5.38%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.07%	1 0.19%	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1.347	521	436	390
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1.347 100%	521 100%	436 100%	390 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	398 29.55%	126 24.18%	140 32.11%	132 33.85%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	778 57.76%	294 56.43%	250 57.34%	234 60.00%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.07%	0	1 0.23%	0

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	957	521	436	0
4	Chuyên trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	5	3	1	1
	Chuyên trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	14	6	5	3
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	10	7	1	2
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	9	0	0	9
1	Cấp tỉnh/thành phố (kể cả thi Olympic tháng tư)	9	0	0	9
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	389	0	0	389
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	386	0	0	386
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	647/705	231/294	226/211	190/200
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	32	8	12	12



Nguyễn Thị Nha Trang